

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20A/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Truyền

Bà Lê Thị Hồng Nhan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân đã thụ lý số 401/2018/TLST – HN ngày 17/12/2018 về việc: “***Xin ly hôn***”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HN ngày 27/3/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HN ngày 17/4/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị H, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Huỳnh Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt không lý do)

Trú tại: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Huỳnh Văn T kết hôn vào năm 2007, dựa trên điều kiện mai mối nhưng chị H, anh T tự nguyện đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị H và anh T sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, tính tình không hợp, chị H,

anh T đã ly thân cách nay 08 năm. Nay chị Trần Thị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Con chung, tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/3/2019 bị đơn Huỳnh Văn T trình bày: Anh T và chị H kết hôn do mai mối nhưng cả hai tự nguyện đến hôn nhân, anh T, chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào năm 2007. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 01 năm thì chị H mang thai và bỏ về bên ruột sinh sống. Sau khi sinh con được 03 tháng thì con chung chết. Anh H có qua thăm nhưng chị H không đồng ý và anh chị ly thân cho đến nay. Nay chị H đã có gia đình khác nên xin ly hôn anh T đồng ý.

Con chung không có.

Tài sản chung: gồm vàng cưới và tiền mặt nhưng anh T không biết bao nhiêu. Anh Huỳnh Văn T sẽ làm đơn yêu cầu tòa giải quyết.

Nợ chung không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt các lần tòa án mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Ghi nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị H và anh Huỳnh Văn T. Con chung không có. Tài sản chung: chị H trình bày không có, anh tâm trình bày có vàng cưới và tiền mặt nhưng không biết bao nhiêu, anh T không có yêu cầu chia tài sản nên không xem xét. Nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Văn T nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 12/12/2018 của Công an xã N đã xác nhận anh Huỳnh Văn T hiện đang sinh sống tại xã N, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Nội dung vụ án:

Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Anh Huỳnh Văn T đã được tòa án tổng đặc hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Chị Trần Thị Hậu và anh Huỳnh Văn T kết hôn vào năm 2007 điều kiện kết hôn nhân là do mai mối nhưng anh chị tự nguyện đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Như vậy, hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Huỳnh Văn T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H, chị H cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, tính tình không hợp, chị H và anh T đã ly thân cách nay 08 năm. Anh Huỳnh Văn T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị H và anh T đều đồng ý ly hôn nên căn cứ vào điều 55 Luật Hôn nhân gia đình ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị H, anh T.

[4] Con chung: Không có.

[5] Tài sản chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Huỳnh Văn T trình bày có vàng cưới và tiền mặt nhưng anh T không biết bao nhiêu, Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ số 45/TB-TA ngày 08/3/2019 cho anh T về việc cung cấp chứng cứ về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng anh T không cung cấp chứng cứ và cũng không yêu cầu chia tài sản nên không xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Huỳnh Văn T trình bày không có, nên không xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Huỳnh Văn T.
Chị Trần Thị H và anh Huỳnh Văn T được ly.
2. Về nuôi con chung: không có.
3. Tài sản chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Huỳnh Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
4. Nợ chung: Không có.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000323 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Nhuận Phú Tân (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thuý

